Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8504.40.90

Mã HS	8504.40.90
Mô tả hàng hóa	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 04:47:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85044090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15043
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15043
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15043
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14339
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14280
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14280
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14280
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14280
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14280
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14280
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14334
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14334
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14334
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14334
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14334
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14335
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14335
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14335
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14335
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14335
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14335
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14338
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14286
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14294
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14294
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14294
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14294
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14294
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14294
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14325
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14325
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14325
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14325
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14325
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14325
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14380
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14380
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14380

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14380
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14380
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14380
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14357
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14357
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14357
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14357
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14357
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14357
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D988
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E988
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14357
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14357
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14357
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14357
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14357
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14357
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14372
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14372
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14372
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14372
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14372
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14372
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14371
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14371
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14371

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14371
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14371
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14371
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14364
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14364
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14364
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14364
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14364
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14364
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14364
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14359
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14359
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14359
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14359
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14359
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14359
RCEP B	2022	2022	0	B!D14359
RCEP B	2023	2023	0	B!E14359
RCEP B	2024	2024	0	B!F14359
RCEP B	2025	2025	0	B!G14359
RCEP B	2026	2026	0	B!H14359
RCEP B	2027	2027	0	B!I14359
RCEP C	2022	2022	0	C!D14359
RCEP C	2023	2023	0	C!E14359
RCEP C	2024	2024	0	C!F14359
RCEP C	2025	2025	0	C!G14359

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2026	2026	0	C!H14359
RCEP C	2027	2027	0	C!I14359
RCEP D	2022	2022	0	D!D14358
RCEP D	2023	2023	0	D!E14358
RCEP D	2024	2024	0	D!F14358
RCEP D	2025	2025	0	D!G14358
RCEP D	2026	2026	0	D!H14358
RCEP D	2027	2027	0	D!I14358
RCEP E	2022	2022	0	E!D14362
RCEP E	2023	2023	0	E!E14362
RCEP E	2024	2024	0	E!F14362
RCEP E	2025	2025	0	E!G14362
RCEP E	2026	2026	0	E!H14362
RCEP E	2027	2027	0	E!I14362
RCEP F	2022	2022	0	F!D14359
RCEP F	2023	2023	0	F!E14359
RCEP F	2024	2024	0	F!F14359
RCEP F	2025	2025	0	F!G14359
RCEP F	2026	2026	0	F!H14359
RCEP F	2027	2027	0	F!I14359
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13357
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13357
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13357
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13357

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8504.40 có 6 dòng thuế; dòng 8504.40.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8504.40.11 Bộ nguồn cấp điện liên tục (UPS) (SEN); 8504.40.19 Loại khác; 8504.40.20 Máy nạp ắc qui, pin có công suất danh định trên 100 kVA; 8504.40.30 Bộ chỉnh lưu khác; 8504.40.40 Bộ nghịch lưu	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8504.40.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8504.40.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15043), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.